

Số: 2344.1/QVC-QĐ

Quảng Nam, ngày 31 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành biểu phí về mức giá dịch vụ thẩm định giá tài sản  
áp dụng ngoài địa bàn tỉnh Quảng Nam

### GIÁM ĐỐC

#### CÔNG TY CP THẨM ĐỊNH GIÁ QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã Hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản có liên quan hướng dẫn thực hiện Luật giá;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939372 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp chứng nhận đăng ký lần đầu vào ngày 03/10/2013 và được cấp chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/9/2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số: 326/TĐG do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 22/04/2019 và cấp lại lần thứ nhất ngày 01/10/2021;

Căn cứ theo yêu cầu thực tế về dịch vụ thẩm định giá tại Công ty CP Thẩm định giá Quảng Nam,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Biểu phí về mức giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản áp dụng ngoài địa bàn tỉnh Quảng Nam” của Công ty CP Thẩm định giá Quảng Nam.

- Biểu phí này là cơ sở để thương thảo ký hợp đồng với khách hàng.

- Đối với những dịch vụ thẩm định giá mà chưa có quy định cụ thể tại biểu phí này thì thỏa thuận với khách hàng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 12/2021/NĐ-CP ngày 24/2/2021 của Chính Phủ.

- Đối với các dịch vụ liên quan khác về giá mà cơ quan nhà nước có quy định về mức phí thù lao dịch vụ cụ thể thì thực hiện theo quy định đó (như dịch vụ tư vấn xác định giá đất cụ thể).

- Sau khi ký kết hợp đồng, phải ứng trước ít nhất 30% tiền dịch vụ để làm cơ sở thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

- Trường hợp tái thẩm định mức thu tối đa bằng 70% mức giá trên nếu thời gian tái thẩm định nhỏ hơn 6 tháng; Các trường hợp tái thẩm định đặc biệt khác sẽ theo thỏa thuận.

**Điều 2:** Các Thẩm định viên, trợ lý thẩm định viên, cộng tác viên và cán bộ nhân viên các phòng nghiệp vụ thuộc Công ty CP Thẩm định giá Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định này thay thế biểu phí được ban hành tại Quyết định số 2278.1/QVC-QĐ ngày 28/12/2022 của Giám đốc Công ty và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/06/2023 cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Niêm yết;
- Lưu VT./.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn



## BIỂU PHÍ VỀ MỨC GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Quyết định số: 2344.1/QVC-QĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023  
của Giám đốc Công ty CP Thẩm định giá Quảng Nam)

### **I. Thẩm định giá bất động sản: Đất đai, nhà cửa, nhà xưởng, công trình xây dựng khác (không áp dụng đối với định giá đất cụ thể)**

TT	Giá trị tài sản định giá (triệu đồng)	Mức giá (triệu đồng)
1	Nhỏ hơn 500	5,00
2	Từ 500 đến 700	$5 + (G - 500) * 0,45\%$
3	Từ 700 đến 1.000	$5,9 + (G - 700) * 0,40\%$
4	Từ 1.000 đến 2.000	$7,1 + (G - 1.000) * 0,35\%$
5	Từ 2.000 đến 5.000	$10,6 + (G - 2.000) * 0,3\%$
6	Từ 5.000 đến 10.000	$19,6 + (G - 5.000) * 0,25\%$
7	Từ 10.000 đến 15.000	$32,1 + (G - 10.000) * 0,20\%$
8	Từ 15.000 đến 20.000	$42,1 + (G - 15.000) * 0,15\%$
9	Từ 20.000 đến 30.000	$49,6 + (G - 20.000) * 0,13\%$
10	Từ 30.000 đến 40.000	$62,6 + (G - 30.000) * 0,10\%$
11	Từ 40.000 trở lên	Thỏa thuận

### **II. Thẩm định giá động sản: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa (thông tin giá) phục vụ mua sắm - Không áp dụng đối với thông tin giá lập hồ sơ dự toán công trình xây dựng:**

TT	Giá trị thẩm định (triệu đồng)	Mức giá (triệu đồng)
1	Nhỏ hơn 300	5,00
2	Từ 300 đến 500	$5 + (G - 300) * 0,45\%$
3	Từ 500 đến 1.000	$5,9 + (G - 500) * 0,4\%$
4	Từ 1.000 đến 2.000	$7,9 + (G - 1.000) * 0,35\%$
5	Từ 2.000 đến 5.000	$11,4 + (G - 2.000) * 0,3\%$
6	Từ 5.000 đến 10.000	$20,4 + (G - 5.000) * 0,25\%$
7	Từ 10.000 đến 15.000	$32,9 + (G - 10.000) * 0,2\%$
8	Từ 15.000 đến 20.000	$42,9 + (G - 15.000) * 0,17\%$
9	Từ 20.000 đến 30.000	$51,4 + (G - 20.000) * 0,15\%$
10	Từ 30.000 đến 40.000	$66,4 + (G - 30.000) * 0,12\%$
11	Từ 40.000 trở lên	Thỏa thuận

#### **Ghi chú:**

- Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- G là tổng giá trị tài sản thẩm định giá tính bằng triệu đồng.
- Giá dịch vụ trên được áp dụng đối với tài sản thực hiện tại khu vực trung tâm hành chính của tỉnh. Trường hợp tài sản nằm tại các khu vực khác thì chi phí đi lại, lưu trú sẽ được tính thêm theo thỏa thuận với khách hàng.